

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 466/2020/TLST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Đình chỉ toàn bộ các yêu cầu phản tố của bị đơn do bị đơn rút đơn yêu cầu.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1940. Địa chỉ: Số 251 Quốc lộ M, khu phố H, phường A, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 251B Quốc lộ M, khu phố N, phường A, quận B, Thành phố H (theo giấy ủy quyền số công chứng 00001990 quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/01/2019 tại Văn phòng Công chứng Đ)

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 517, đường V, phường L, quận B, Thành phố H. (theo giấy ủy quyền số công chứng 00005711 quyền số: 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/03/2022 tại Văn phòng Công chứng S).

- Bà Trần Thị Lệ Th, sinh năm 2000. Địa chỉ: Số 1282, đường T, Phường H, Quận P

Bị đơn:

1/ Bà **Nguyễn Thị Kim Kh**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 232 Quốc lộ M, khu phố I, phường A, quận B, Thành phố H.

2/ Bà **Nguyễn Thị Kim B**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 234 Quốc lộ M, khu phố I, phường A, quận B, Thành phố H.

3/ Ông **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 234A Quốc lộ M, khu phố I, phường A, quận B, Thành phố H.

4/ Bà **Nguyễn Thị Kim Ph**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 232A Quốc lộ M, khu phố 3, phường A, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Kh, bà B, bà Ph, ông T: Ông **Lâm Văn T**, sinh năm 1967 (theo giấy ủy quyền số công chứng 003722 quyền số: 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/8/2020 tại Văn phòng Công chứng P). Địa chỉ: Tổ 8, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân quận B. Địa chỉ: Số 521 đường K, phường L, quận B, Thành phố H.

2/ Ông **Đỗ Khắc H**, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 251 Quốc lộ M, khu phố H, phường A, quận B, Thành phố H.

3/ Bà **Đỗ Thị Ph**, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 251A Quốc lộ M, khu phố N, phường A, quận B, Thành phố H.

4/ Bà **Đỗ Thị H**, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số 249 Quốc lộ M, khu phố N, phường A, quận B, Thành phố H.

5/ Bà **Đỗ Thị Y2**, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 251 Quốc lộ M, khu phố H, phường A, quận B, Thành phố H.

6/ Bà **Đỗ Thị L**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 247 Quốc lộ M, khu phố N, phường A, quận B, Thành phố H.

7/ Ông **Đỗ Văn Th**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 251 Quốc lộ M, khu phố H, phường A, quận B, Thành phố H.

8/ Bà **Đỗ Thị Y**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 251B Quốc lộ M, khu phố N, phường A, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà Ph, bà H, bà Y2, bà L, ông Th: Bà **Đỗ Thị Y**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 251B Quốc lộ M, khu phố N, phường A, quận B, Thành phố H (theo giấy ủy quyền số công chứng 00000508 quyền số: 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/01/2023 tại Văn phòng Công chứng S).

2.1. Các đương sự thống nhất và đề nghị Tòa án căn cứ vào Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 02/01/2020 phát hành ngày 03/01/2020 để làm cơ sở giải quyết vụ án.

2.2. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Đỗ Khắc H, bà Đỗ Thị Ph, bà Đỗ Thị H, bà Đỗ Thị Y2, bà Đỗ Thị L, ông Đỗ Văn Th và bà Đỗ Thị Y là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Văn L (viết tắt là Phía nguyên đơn) công nhận phần diện tích 6,9m²

thuộc một phần thửa đất số 2 tờ bản đồ số 37-TL2005 phường A, quận B, theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 02/01/2020 phát hành ngày 03/01/2020 thuộc quyền sử dụng của phía bị đơn gồm bà Nguyễn Thị Kim Kh, bà Nguyễn Thị Kim B, ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thị Kim Ph là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị S (Viết tắt là Phía bị đơn).

2.3. Phía bị đơn công nhận phần diện tích 12,5m² thửa đất số 238, tờ bản đồ số 04 xã U, huyện K nay thuộc một phần thửa đất số 50 tờ bản đồ số 34-TL2005 phường A, quận B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 941/QSDD do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 24/04/1995 theo TL02/CT UB cho ông Đỗ Văn L và Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 02/01/2020 phát hành ngày 03/01/2020 thuộc quyền sử dụng của Phía nguyên đơn.

2.4. Phía nguyên đơn đồng ý giao cho Phía bị đơn được toàn quyền sử dụng phần đất có diện tích 12,5m² nêu tại mục 2.3. Phía bị đơn đồng ý thanh toán cho phía nguyên đơn giá trị diện tích 12,5m² nêu trên tương ứng với số tiền là 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng.

Việc thanh toán và giao nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện cụ thể như sau:

Đợt 1: Bà Nguyễn Thị Kim Kh đại diện Phía bị đơn thanh toán 350.000.000 đồng cho Phía nguyên đơn vào ngày 19/01/2023; Phía nguyên đơn giao cho Phía bị đơn Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 02/01/2020 phát hành ngày 03/01/2020 cùng lúc với việc nhận Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đợt 2: Bà Nguyễn Thị Kim Kh đại diện Phía bị đơn thanh toán 350.000.000 đồng cho Phía nguyên đơn trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và Phía nguyên đơn giao cho Phía bị đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 941/QSDD do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 24/04/1995 theo TL02/CT UB cho ông Đỗ Văn L đồng thời cùng lúc khi Phía bị đơn giao số tiền 350.000.000 đồng này.

Phía bị đơn được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cập nhật phần diện tích đất 12,5m² thuộc thửa đất số 238, tờ bản đồ số 04 xã U, huyện K (nay thuộc một phần thửa đất số 50 tờ bản đồ số 34-TL2005 phường A, quận B) và phần diện tích 6,9m² thuộc một phần thửa đất số 2 tờ bản đồ số 37-TL2005 phường A, quận B, theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 02/01/2020 phát hành ngày 03/01/2020 cho phía bị đơn.

Kể từ ngày Phía nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nêu trên thì hàng tháng Phía bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

3. Về chi phí tố tụng gồm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ và chi phí thẩm định giá. Phía bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ các chi phí tố tụng

(bao gồm cả các chi phí mà Phía nguyên đơn đã tạm ứng là 10.000.000 đồng. Phía bị đơn tự nguyện hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng này vào ngày 19/01/2023.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hai bên thỏa thuận mỗi bên chịu 50% theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th chịu 8.000.000 (Tám triệu đồng). Do bà Th là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Kh tự nguyện chịu thay cho các bị đơn toàn bộ số tiền án phí là 8.000.000 (tám triệu đồng) nhưng được trừ số tiền số tạm ứng án phí đã đóng là 3.700.000 (Ba triệu bảy trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2019/0061429 do Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố H lập ngày 02/7/2020. Như vậy, bà Kh còn phải nộp 4.300.000 (Bốn triệu ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Cấp cao tại Tp.H;
- VKSND Cấp cao tại Tp.H;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp H;
- Cục thi hành án dân sự Tp.H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thủy